

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1497/QĐ-ĐHNH, ngày 13 tháng 5 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

- Tên chương trình (Tiếng Việt): **Luật Kinh tế TABP**
- Tên chương trình (Tiếng Anh): **Economic Law**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: Luật Kinh tế
- Mã ngành: **7380107**
- Hình thức đào tạo: **Chính quy tập trung**
- Chuẩn đầu vào: Thực hiện theo đề án tuyển sinh
- Thời gian đào tạo (theo thiết kế): **04 năm (08 học kỳ)**
- Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo: **tháng ... năm ...**

1. Kết cấu chương trình đào tạo:

TT	Khối kiến thức	Số học phần			Số tín chỉ			Tỷ lệ
		Bắt buộc	Tự chọn		Bắt buộc	Tự chọn		
			Bắt buộc	Tự do		Bắt buộc	Tự do	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	9	0	3	21	6	0	21,6%
2	Kiến thức cơ sở ngành	9	0	3	26	6	0	25,6%
3	Kiến thức cốt lõi ngành	15	0	4	45	8	0	42,4%
4	Thực tập trải nghiệm	2	0	0	7	0	0	5,6%
5	Khóa luận tốt nghiệp	1	0	0	6	0	0	4,8%
	Tổng cộng	36	0	10	104	20	0	100%

STT	Khối kiến thức khác	Số tín chỉ
1	Giáo dục thể chất	5
2	Giáo dục Quốc phòng an ninh	8
	Tổng cộng	13

2. Khung chương trình đào tạo:

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 21TC bắt buộc								
1	MLM306	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist phylosophy	3	2	0	0	Không	1
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin/ Marxist-Leninist political economics	2	2	0	0	MLM306	2
3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific Socialism	2	2	0	0	MLM306	4
4	MLM309	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam/ History of Vietnamese Communist Party	2	2	0	0	MLM306	3
5	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh's Ideology	2	2	0	0	MLM306	2
6	ITS723	Logic ứng dụng trong kinh doanh/ Applied Logic in Business	2	2	1	0	Không	1
7	ITS772	Phát triển năng lực số / Development of Digital Competencies	3	2	0	0	CCUDTT NC, CNUDT TNT	3
8	BAF736	Tiền tệ ngân hàng và Công nghệ tài chính / Money, Banking and Financial Technology	3	2	0	0	Không	3
9	FIN730	Phát triển bền vững và tài chính xanh / Sustainable Development and Green Finance	2	2	0	0	Không	3
TỰ CHỌN ĐẠI CƯƠNG: 6TC, chọn 3 trong 4 học phần								
10	MLM305	Logic học / Logic	2	2	0	0	Không	1/2
11	SOC303	Tâm lý học / Psychology	2	2	0	0	Không	1/2

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
12	LAW727	Pháp luật về quyền con người / Human Rights Law	2	2	0	0	LAW350	1/2
13	LAW791	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật / History of the State and Law	2	2	0	0	LAW350	1/2
KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH: 26TC								
14	MES303	Kinh tế học vĩ mô/ Macroeconomics	3	3	0	0	Không	2
15	LAW350	Lý luận về nhà nước và pháp luật/ Theory of State and Law	3	3	0	0	Không	1
16	LAW302	Luật Hiến pháp/ Constitutional Law	3	3	0	0	LAW350	1
17	LAW730	Tư duy pháp lý/Legal reasoning	2	2	0	0	LAW350	3
18	LAW308	Luật Hành chính/ Administrative Law	3	3	0	0	LAW350	2
19	LAW306	Luật dân sự 1/ Civil Law 1	3	3	0	0	LAW350	2
20	LAW321	Luật tố tụng dân sự/ Civil Procedure Law	3	3	0	0	LAW754	6
21	LAW309	Luật Hình sự/ Criminal Law	3	3	0	0	LAW350	2
22	LAW339	Luật tố tụng hình sự/ Criminal Procedure Law	3	3	0	0	LAW309	5
TỰ CHỌN CƠ SỞ NGÀNH: 6TC, chọn 3 trong 4 học phần								
23	LAW704	Soạn thảo văn bản/ Documentary draft	2	2	0	0	LAW308	6/7
24	LAW768	Pháp luật tài chính doanh nghiệp/Corporate finance law	2	2	0	0	LAW770	5/6/7
25	LAW333	Công pháp quốc tế/ International public law	2	2	0	0	LAW302	3/4
26	LAW767	Pháp chế Doanh nghiệp/Lawyer-in-house.	2	2	0	0	LAW309	3/4

HA A
TRƯỜNG
CƠ SỞ NGÀNH
PHÁP LUẬT
CHỈ MINH

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
KIẾN THỨC CỐT LÕI NGÀNH: 44TC								
27	LAW793	Nghề luật và đạo đức nghề luật / Legal Profession and Legal Ethics	2	2	0	0	LAW730	5
28	LAW797	Luật Đất đai/Land Law	3	3	0	0	LAW 754	4
29	LAW769	Commerce Law 1/Luật thương mại 1*	3	3	0	0	LAW306	4
30	LAW770	Commerce Law 2/Luật thương mại 2*	3	3	0	0	LAW769	5
31	LAW754	Civil Law 2/Luật dân sự 2	3	3	0	0	LAW306	3
32	LAW774	International private law/Tư pháp quốc tế	3	3	0	0	LAW321	4
33	LAW776	Labour law/Luật Lao động	3	3	0	0	LAW754	4
34	LAW771	Competition Law/Luật cạnh tranh*	3	3	0	0	LAW770	5
35	LAW772	Environmental Law/ Luật Môi trường*	3	3	0	0	LAW776	6
36	LAW755	Banking Law / Luật Ngân hàng*	3	3	0	0	LAW770	6
37	LAW757	Securities Law / Luật chứng khoán*s	3	3	0	0	LAW770	6
38	LAW761	Tax Law / Luật Thuế*	3	3	0	0	LAW770	7
39	LAW763	International Commerce Law/Luật Thương mại quốc tế	3	3	0	0	LAW770	8
40	LAW756	Intellectual Property Law / Luật Sở hữu trí tuệ	3	3	0	0	LAW302	5
41	ENP774	English for Legal professionals/Tiếng Anh pháp lý	3	3	0	0		4
TỰ CHỌN CỐT LÕI NGÀNH: 8TC, chọn 4 trong 5 học phần								
42	LAW 762	Secured transactions in credit granting activities / Giao dịch bảo đảm trong hoạt động cấp tín dụng	2	2	0	0	LAW763	6/7

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
43	LAW760	Business Disputes Resolution Skills / Kỹ năng giải quyết tranh chấp trong kinh doanh	2	2	0	0	Không	7/8
44	LAW766	Skills of legal consulting in governing Company/ Kỹ năng tư vấn pháp luật trong quản trị doanh nghiệp	2	2	0	0	LAW754	5/6/7
45	LAW773	Insurance business Law/Luật kinh doanh bảo hiểm	2	2	0	0	LAW769	7/8
46	LAW777	Legal consulting Skills/Kỹ năng tư vấn pháp luật	2	2	0	0	LAW321	4/5
THỰC TẬP TRẢI NGHIỆM: 07 TC								
47	LAW795	Trải nghiệm nghề nghiệp / Professional Experience	3	0	3	0		7
48	REP721	Thực tập tốt nghiệp / Graduation Internship	4	2	2	0		7
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP: 6TC								
49	INT721	Khóa luận tốt nghiệp / Graduation Thesis	6					8
Tổng số tín của chương trình đào tạo			124					
Tổng số tín chỉ bắt buộc			104					
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			20					

Ghi chú (nếu có):

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Đức Trung

**KHOA PHỤ TRÁCH CTĐT
PHÓ TRƯỞNG KHOA - PT**

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào